

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 5 – 2024

V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2024/TLST–HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về: “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm H, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Bà Lê Thị L, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm H, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 12/3/2024 nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Lê Thị L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng không hoà hợp trong lối sống, không có tiếng nói chung và đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Xét thấy, cuộc sống

hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị L.

Về nuôi con chung: Có 03 người con tên Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1993, Nguyễn Minh T1, sinh năm 1995, Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2001. Hiện các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị L đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Minh T.

Tại phiên tòa:

- Ông Nguyễn Minh T vẫn giữ quan điểm yêu cầu ly hôn; bà Lê Thị L vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Minh T khởi kiện xin ly hôn với bà Lê Thị L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà Lê Thị L cư trú tại Khóm H, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Lê Thị L đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Minh T và bà Lê Thị L tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 828/2002 ngày 28/7/2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân giữa ông T và bà L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Ông T nhận thấy cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hoà hợp trong lối sống, không có tiếng nói chung. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng ông yêu cầu được ly hôn. Đối với, bà L đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của ông T. Từ đó cho thấy bà L không mong

muốn hàn gắn tình cảm. Xét thấy, mâu thuẫn của ông T và bà L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T, ông T được ly hôn với bà L.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 03 người con tên Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1993, Nguyễn Minh T1, sinh năm 1995, Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2001. Hiện các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Minh T đối với bà Lê Thị L. Ông Nguyễn Minh T được ly hôn với bà Lê Thị L.

Về nuôi con chung: Có 03 người con tên Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1993, Nguyễn Minh T1, sinh năm 1995, Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2001. Hiện các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Minh T và bà Lê Thị L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng. Ông Nguyễn Minh T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003292 ngày 12 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND tỉnh Cà Mau;
 - VKSND huyện Phú Tân;
 - Chi cục THADS huyện Phú Tân;
 - UBND thị trấn Cái Đôi Vàm;
- (Giấy CNKH số 828 ngày 28/7/2002)
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Như